

NGÔN NGỮ HỌ C VÀ VIỆT NGỮ HỌ C

**TIẾNG VIỆT TRONG BỐI CẢNH
THÔNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN***
VIETNAMESE LANGUAGE IN THE CONTEXT
OF NATIONAL REUNIFICATION, INTEGRATION AND DEVELOPMENT

NGUYỄN VĂN KHANG
(GS.TS; Viện Ngôn ngữ học)

Abstract: Vietnam has just celebrated the 40th anniversary of its national reunification (1975 - 2015). Over the last 40 years, Vietnam has experienced great changes in all walks of life and these comprehensive changes can be seen clearly through the development of languages. As special social phenomena, languages in Vietnam are deeply influenced by social context and therefore have adapted accordingly to perform their communication functions. As the national language, Vietnamese is the language that has been mostly affected by the impacts of the country's reunification and integration process. Taking a look at the whole thing in the opposite direction, it can be seen that Vietnamese is the only language, with its function as the national language, that can fully reflect all the changes taking place in the social life of Vietnam in the past 40 years.

Key words: Vietnamese language; integration; social changes; impacts.

1. Khái quát

1.1. Từ năm 1975 đất nước thống nhất đến nay vừa tròn 40 năm (1975-2015). 40 năm qua, đất nước ta có những thay đổi lớn lao và mới mẻ. Với chức năng phản ánh xã hội, các ngôn ngữ ở Việt Nam đã phản ánh một cách toàn diện sự thay đổi này. Với cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt, đến lượt mình, các ngôn ngữ ở Việt Nam lại chịu tác động của bối cảnh xã hội Việt Nam nên cũng theo đó thay đổi nhằm thích ứng cho chức năng giao tiếp của mình.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất phải nhắc đến đầu tiên và coi đó là sự kiện của ngôn ngữ học Việt Nam 40 năm qua, đó là, lần đầu tiên Hiến pháp Việt Nam (2013) đã hiện định về thế quốc gia của tiếng Việt: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt”, định thể hiện tiếp tục hiện định quy định ngôn ngữ của các dân tộc ở Việt Nam “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, gìn giữ bản sắc dân

tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình” (Trích mục 3 Điều 5 Hiến pháp Nước CHXHCN VN, 2013). Cùng với đó, các ngôn ngữ ở Việt Nam cũng được luật định trong một số bộ luật có liên quan như Luật Giáo dục, Luật Báo chí, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Quảng cáo,... Chẳng hạn:

- Luật Phổ cập giáo dục tiểu học: “Điều 4. Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt.(...) Các dân tộc thiểu số có quyền dùng tiếng nói chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học”.

- Luật Giáo dục: “Điều 7. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số; dạy ngoại ngữ.

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu

câu có thể và nội dung giáo dục, Thể thức Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và các sở giáo dục khác.

2. Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và các sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Người nói quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dịch quốc tế. Việc tổ chức dạy người nói trong nhà trường và các sở giáo dục khác cần bảo đảm để người học được học liên tục và có hiệu quả”.

- Luật Quốc tịch Việt Nam: Điều 19 (trích): “Điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam (...) c) Biết tiếng Việt để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam; (...); đ) Giữ thể chế mình trình để tiếng Việt”

- Luật Quảng cáo: Điều 18. Tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo:

1. Trong các sản phẩm quảng cáo phải có nội dung thể hiện bằng tiếng Việt, trừ những trường hợp sau: a) Nhãn hiệu hàng hoá, khu hiệu, thương hiệu, tên riêng bằng tiếng nước ngoài hoặc các từ ngữ đã được quốc tế hoá không thể thay thế bằng tiếng Việt; b) Sách, báo, trang thông tin điện tử và các sản phẩm được phép xuất bản bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài; chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài.

2. Trong trường hợp sử dụng cả tiếng Việt, tiếng nước ngoài trên cùng một sản phẩm quảng cáo thì khi chữ nước ngoài không được quá ba phần tư khi chữ tiếng Việt và phải đặt bên dưới chữ tiếng Việt; khi

phát trên đài phát thanh, truyền hình hoặc trên các phương tiện nghe nhìn, phải để tiếng Việt trước tiếng nước ngoài.

Đối với một quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ như Việt Nam, việc khẳng định vị thế ngôn ngữ quốc gia cũng như vị thế của từng ngôn ngữ trong mối quan hệ giữa các ngôn ngữ với nhau là việc biết quan trọng. Bởi, sự khẳng định này đem báo cho một trạng thái đa ngữ-đa thể ngữ ổn định, cân bằng được, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng hay đa dạng trong thống nhất.

Sự thống nhất đem báo cho vị thế quốc gia của tiếng Việt thể hiện chức năng là ngôn ngữ Nhà nước trong giao tiếp công quyền, trong nhà trường, trên các phương tiện truyền thông của trung ương và trong đời sống. Trong nước, tiếng Việt trở thành một công cụ giao tiếp không thể thiếu đối với mọi người dân Việt Nam. Trên trường quốc tế, tiếng Việt được biết đến ngày một nhiều và đang trở thành một ngôn ngữ cần thiết của nhiều người trên thế giới.

Sự đa dạng đem báo cho quyền sử dụng, báo tin và phát huy tiếng mẹ đẻ của 53 dân tộc. Người dân ở các vùng dân tộc thiểu số được tổ chức do sự đồng tiếng nói, chữ viết của mình trong đời sống giao tiếp; các ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có thể phát huy và báo tin thông qua việc chế tác, cải tiến chữ viết, phát sóng trên đài phát thanh, truyền hình và việc dạy-học trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. Sự đa dạng cũng đem báo quyền học tập và sự đồng tiếng nước ngoài của mọi người dân có nhu cầu trong đời sống; người dân có quyền lựa chọn việc học tập và sự đồng tiếng nước ngoài theo nhu cầu của cuộc sống.

1.2. Thống nhất đất nước, Nam-Bắc liền một dải giúp cho người dân giữa các vùng miền được có điều kiện giao lưu, tiếp xúc với nhau. Nhất là từ khi đời mới với nền kinh tế thị trường, sự di chuyển hai chiều ra Bắc vào Nam, ra thành phố về nông thôn, lên vùng cao biên giới, từ miền biển đến xa

xôi c a ng i dân tăng m nh. Quá trình này đã và đang làm phân b i b n đ ngôn ng i Vi t Nam i c ph ng di n ngôn ng i l n ph ng di n ph ng ng . Ch ng h n:

(a) M t s ngôn ng i dân t c thi u s v n ch xu t hi n i phía B c nay đã có i c các đ a ph ng c a mi n Trung và mi n Nam (nh ti ng Mông, ti ng Dao, ti ng M ng,...);

(b) Các ph ng ng đ a lí c a ti ng Vi t đã không còn ch u gi i h n i ph m vi đ a lí n a (ti ng mi n Nam, ti ng mi n Trung, ti ng mi n B c,...xu t hi n i kh p m i mi n đ t n c);

(c) Các ph ng ng xã h i ti ng Vi t phát tri n r t nhanh do s phân công m nh m c a xã h i (ph ng ng đô th, ph ng ng nông thôn, ph ng ng gi i, ph ng ng tu i, ph ng ng ngh nghi p, ph ng ng quy n l c, ngôn ng c a c dân m ng, ti ng lóng,...).

Quá trình đô th hóa làm phá v các c u trúc nông nghi p truy n th ng, t o nên s di chuy n c a dòng ng i t nông thôn ra thành ph và ng c i, theo đó, đã và đang làm cho ngôn ng đô th lan t a t i ngôn ng nông thôn và ng c i, đang làm m ranh gi i gi a các ph ng ng . Vì th, có th nói, m t ph ng ng đô th “thu n” nh khái ni m ti ng Hà N i, ti ng Sài Gòn hay m t ph ng ng nông thôn không pha t p, m t ph ng ng đ a lí n đ nh gi đây đã tr nên khó khăn. Đ ng th i, đô th hóa cũng làm phân b ch c năng ngôn ng / bi n th ngôn ng cũng nh s pha tr n ngôn ng / bi n th ngôn ng i các khu công nghi p, khu liên doanh khi mà i đó có ngôn ng “b n đ a” (n u i vùng dân t c), có ti ng Vi t ph ng ng “b n đ a”, có các ph ng ng c a ng i t x (đ n làm vi c) và ngôn ng c a ng i đ u t (là ng i n c ngoài) cùng ngôn ng dùng cho thi t b máy móc.

Quá trình h i nh p đã làm thay đ i v th các ngo i ng i Vi t Nam. V i cách nhìn theo quy l t cung c u c a th tr ng nói

chung, th tr ng ngôn ng nói riêng, v th c a các ngo i ng i Vi t Nam có th thay đ i theo t i n trình h i nh p, theo s đ u t vào Vi t Nam c a qu c gia s đ ng ngôn ng đó trong ph m vi c n c cũng nh ph m vi vùng mi n. Đó là vai trò s m t c a ti ng Anh hi n nay, ti p đó là ti ng Hàn, ti ng Nh t, ti ng Hán, ti ng Đ c, ti ng Nga, ti ng Tây Ban Nha cùng ngôn ng c a các n c Đông Nam Á khi mà h i nh p khu v c đang đ n r t g n, v.v.

Có th đ a ra nh n xét chung là, b i c nh th ng nh t đ t n c và h i nh p c a đ t n c đã và đang tác đ ng toàn di n và m nh m đ n các ngôn ng i Vi t Nam trên c ph ng di n c u trúc h th ng cũng nh v th, ch c năng c a chúng.

2. Đ i v i ti ng Vi t

2.1. Có th kh ng đ nh r ng, ngôn ng ch u tác đ ng m nh nh t trong b i c nh th ng nh t và h i nh p c a đ t n c chính là ti ng Vi t. Hay, nói cách khác, 40 năm th ng nh t và h i nh p đã tác đ ng toàn di n đ n s phát tri n c a ti ng Vi t. Và, n u nhìn i chi u ng c i i thì ch có ti ng Vi t v i t cách là ngôn ng qu c gia m i có th ph n ánh đ y đ m i s bi n đ ng c a đ i s ng xã h i Vi t Nam 40 năm qua. D i đây là m t s đ c đ i m đáng chú ý:

1) Th ng nh t đ t n c đã làm cho ti ng Vi t chung (ti ng Vi t toàn dân) phát huy cao đ đ c ch c năng c a mình. Đó là m t ti ng Vi t có th coi là chu n m c đ c s đ ng th ng nh t trong văn ki n, văn b n c a Đ ng, Nhà n c, trong giáo đ c, trên các ph ng ti n truy n thông c a trung i ng. Ch ng h n, các t ng, các mô hình câu, cách hành văn, các mô hình giao ti p trong giao ti p vi t (văn b n) cũng nh giao ti p nói (chính th c) luôn đ m b o chính xác, quy ph m. Nh có vi c s đ ng nh v y mà ti ng Vi t chung luôn có s c lan t a m nh m và nhanh chóng nh n đ c s đ ng thu n trong s đ ng. Đ i u này cũng cho th y tính đ nh h ng, đ n đ t c a ti ng Vi t

chung đối với việc sử dụng tiếng Việt của toàn xã hội.

2) Thông nhất đất nước làm cho các phương ngữ địa lí của tiếng Việt không còn bị giới hạn trong phạm vi địa lí của mình. Sự giao lưu qua lại, sự thay đổi nơi cư trú của người dân Việt Nam ở các vùng miền mà ở phạm vi khái quát là ba miền Bắc, Trung, Nam đã tạo điều kiện cho các phương ngữ Bắc, phương ngữ Trung, phương ngữ Nam mất một số điều kiện xích lại với tiếng Việt chung và xích lại gần với nhau hơn, bổ sung cho nhau. Kết quả là, một hiện tượng trên mã giao các phương ngữ cũng như giữa tiếng Việt chung với tiếng Việt phương ngữ đang diễn ra mạnh mẽ. Đây là hệ quả của sự tiếp xúc và ảnh hưởng lẫn nhau của các phương ngữ qua quá trình sử dụng. Thực tế chứng minh rằng, người Việt hiện nay khó có thể giao tiếp thuận/ duy nhất một thể tiếng Việt phương ngữ.

3) Đời mới với nền kinh tế thị trường trong bối cảnh non sông liền một dải đã làm cho tiếng Việt phát triển nhanh, mạnh cả về cấu trúc hình thức và chức năng của mình. Chứng minh:

(a) Nền kinh tế thị trường đã đem đến cho tiếng Việt hàng loạt các từ ngữ và cách nói của lối sống thị trường như: *bao tiêu, bao thầu, giá thầu mua và bán, lợi nhuận, chi phí và chi, thu, mua và bán,...* Ngay cả lối chúc tụng ngày nay cũng đã thay đổi theo nền kinh tế thị trường (mà trước đó ở thời kinh tế bao cấp không bao giờ sử dụng): *phát tài, phát lộc, giàu sang, phú quý, an khang, thịnh vượng, tiến vào nhà mới,...*

(b) Nền kinh tế thị trường với sự đa dạng của nền kinh tế và theo đó là sự phân hóa về đời sống đã hình thành nên các nhóm xã hội và hệ quả là xuất hiện các phương ngữ xã hội tiếng Việt. Với cách nhìn có bao nhiêu nhóm xã hội thì có bấy nhiêu phương ngữ xã hội, tiếng Việt ngày nay đã xuất hiện rất nhiều biến thể xã hội, chứng minh: có ngôn ngữ của cha, ngôn ngữ của người làm thuê,

ngôn ngữ của người kinh doanh buôn bán, ngôn ngữ của người trên quyền và ngôn ngữ của người dưới quyền... Tất cả, tiếng Việt đã được sử dụng theo chức năng của mình phù hợp với bối cảnh giao tiếp và đời sống giao tiếp. Chứng minh, cách xưng hô - một đặc điểm mang tính đặc thù của tiếng Việt - đang được phát huy mạnh mẽ trong giao tiếp ở các tầng lớp xã hội khác nhau, ngay cả trong giao tiếp hành chính, trên sóng phát thanh truyền hình, ví dụ:

Chỉ riêng trình của các lực lượng vũ trang như, quân đội, công an thì dùng cách xưng hô phổ biến là *đồng chí*; chỉ riêng trình của thanh niên thì dùng cách xưng hô phổ biến là *bạn*; chỉ riêng trình dành cho nông thôn thì dùng cách xưng hô phổ biến là *bà con*.

Một điểm đáng chú ý nữa là, việc lựa chọn cách xưng hô theo vị thế của người giao tiếp và bối cảnh giao tiếp trở thành một chỉ số của giao tiếp-xưng hô của người Việt hiện nay.

Theo khảo sát của chúng tôi năm 2014, hiện có 3 nhân tố xã hội đang tác động mạnh đến giao tiếp của người Việt hiện nay là: tuổi, địa vị và giới (tiếp đó là: nghề nghiệp, vùng miền, học vấn, thu nhập và tôn giáo).

4) Hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa hàng loạt một thể giới phương đã đem đến cho tiếng Việt có điều kiện tiếp xúc với các ngôn ngữ khác, mà trước hết là tiếng Anh. Tiếng Anh ở Việt Nam tuy không phải “tiếng Anh duy nhất” nhưng có thể coi là ngôn ngữ hàng đầu để giúp cho việc hội nhập quốc tế. Tiếng Anh đang được sử dụng và học tập rộng rãi ở Việt Nam, nhờ đó, đã tạo cơ hội cho sự tiếp xúc cũng sử dụng các yếu tố Anh trong tiếng Việt ngày một tăng lên đáng kể ở cả bình diện từ vựng, ngữ pháp và giao tiếp. Như vậy, có thể thấy, cùng với giao tiếp trên mã phương ngữ Việt, giờ đây, giao tiếp trên mã tiếng Anh trong tiếng Việt cũng đang diễn ra mạnh mẽ.

2.2. Trên, chúng tôi đã nêu ra một số đặc điểm nổi trội của tiếng Việt đối tác động của tiếng nhân từ liên hệ thông nhất, đối mội và hội nhập. Tách các nhân từ ra khỏi vảy chỉ là nhằm nhận minh, còn trên thực tế, những sự thay đổi, phát triển của tiếng Việt luôn chịu tác động tiếng hợp của các nhân từ. Điều này muốn nhận minh rằng, mọi một sự thay đổi trong lòng tiếng Việt là tìm kiếm đối tác động của động thái các nhân từ.

Nhìn một cách tiếng thơ, sự phát triển của tiếng Việt trong bối cảnh thông nhất và hội nhập có những điểm nổi bật như sau:

1) **Một tiếng Việt chung thông nhất cao:** Đó là một tiếng Việt chung cho cả nước với văn từ vựng chung phong phú, hệ thống ngữ pháp chặt chẽ, chính tả thông nhất và đang tìm kiếm một cách phát âm xích lại gần nhau hơn (mang nhiều đặc điểm chung, bắt đầu những đặc điểm đặc thù, giúp cho người dân mọi miền trên đất nước đều có thể nghe hiểu được; chẳng hạn, cách phát âm cũng như giọng điệu của các biên tập viên trong chương trình thời sự của VTV1 đang theo hướng này). Tiếng Việt chung đang đóng vai trò định hướng, có ảnh hưởng tích cực đến sự thông nhất tiếng Việt trong xã hội.

2) **Một tiếng Việt đa dạng, phong phú:** Đó là một tiếng Việt của mọi người dân của mọi vùng miền, mọi tầng lớp xã hội với cách sử dụng và sáng tạo gần với đặc trưng văn hóa-xã hội của từng vùng miền và từng lớp xã hội. Sự lan tỏa của các phương ngữ địa phương và phương ngữ xã hội này phải được vào vai trò của người sử dụng nó. Theo lý thuyết của ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ của cộng đồng nào có sức mạnh về kinh tế, chính trị, địa vị thì sẽ tác động đến ngôn ngữ của các cộng đồng khác. Điều này giải thích lý do cho các hiện tượng ngôn ngữ của tiếng Việt hiện nay. Chẳng hạn:

- Sự gia tăng của các yếu tố phương ngữ miền Nam trong giao tiếp của người Việt ở mọi miền đất nước. Ví dụ, người dân ở

nơi đã quen với cách nói: *váy bêu, bóng đá nhí, nhieu, dzô, xôn, thú cưng...*; người Hà Nội đã quen với cách nói *kết xe* (thay cho *tắc đèo*), *bếp rang bô* (thay cho *ngô rang bô*), *cần li* (thay cho *cần chén*),...

- Sự gia tăng của cách nói chính trực như là các stereotype (khuôn mẫu) trong đời sống giao tiếp của người Việt. Ví dụ: *giờ đây, hàng ngày và đâu đâu cũng có thể nghe thấy các cách nói như: phải vào cuộc; phải quyết liệt; thì ừ và thách thức; đang đợi các cơ quan chức năng làm rõ; sai đâu sửa lý do đó; đúng người đúng việc/ đúng người đúng thời...*

Như vậy, có thể thấy sự tác động tiếng hợp giữa tiếng Việt chung và tiếng Việt phương ngữ, bổ sung cho nhau để phát triển tiếng Việt.

3) **Một tiếng Việt hội nhập, cởi mở:** Đó là một tiếng Việt thể hiện chức năng ngôn ngữ quốc gia của đất nước Việt Nam hội nhập. Nhìn về lịch sử, ngoài trừ xem xét về nguồn gốc xa xưa, thì tiếng Việt đã và đang trải qua ba cuộc tiếp xúc lớn:

1/ Tiếp xúc song ngữ Hán-Việt qua nhiều thời kỳ đã để lại trong tiếng Việt các yếu tố tiếng Hán bao gồm văn phong cũng như một kho tàng lớn các từ gốc Hán. Trong đó, đáng chú ý là hệ thống cách thức Hán Việt, như đó, các từ ngữ Hán luôn có tiềm năng trở thành từ ngữ Hán Việt một khi có điều kiện (Ví dụ, các từ *bản phôi, theo dân, lão da, huynh, đũa, tẩu, muỗi...* đang được sinh dùng một số bộ phim phát sóng trên truyền hình);

2/ Tiếp xúc song ngữ Pháp-Việt đã để lại trong tiếng Việt các yếu tố ngôn ngữ Pháp bao gồm văn phong và từ ngữ mượn Pháp mang dấu ấn của văn hóa văn minh của phương Tây nói chung và của Pháp nói riêng (khoảng 3000 từ ngữ);

3/ Tiếp xúc song ngữ Anh-Việt ngày nay trong bối cảnh toàn cầu hóa làm cho cách diễn đạt cũng như từ ngữ tiếng Anh tràn vào tiếng Việt bắt đầu tiếng Việt đã có từ ngữ

tiếng đồng hay không. Cùng với việc trên mã nhĩ mĩt lĩ tĩ nhiên, mĩt lĩng tĩng tiếng Anh mang tính quĩc tĩ đĩĩc hình thành, cĩ mĩt mĩi ngôn ngữ và ngữ iĩ nghe mĩi quĩc gia cĩ thĩ hiĩu đĩĩc, trong đĩ cĩ tiếng Viĩt. Ví dũ: *internet, tour, book (vĩ), computer, workshop, worldcup,...*

4) **Mĩt tiếng Viĩt hiĩn đĩi, trí tuĩ:** Đĩ lĩ mĩt tiếng Viĩt mang tĩi trí tuĩ cĩ a Viĩt Nam và trí tuĩ cĩ a nhĩn loĩi. Cĩ thĩ nĩi, nhĩ nhĩ năm 1940 cĩ a thĩ kĩ XX, khĩng ít ngữ iĩ cĩn bĩn khoĩn, lo lĩng và bĩn luĩn rĩng, liĩu tiếng Viĩt cĩ đĩ sĩc đĩm nhĩĩm lĩ ngôn ngữ đĩy iĩ bĩc đĩi hĩc và cĩ thĩ xĩy đĩng hĩ thĩng thuĩt ngữ bĩng tiếng Viĩt hay khĩng thĩ ngĩy nay, vĩi sĩ thĩng nhĩt đĩt nhĩĩc và hĩi nhĩp, hĩ thĩng thuĩt ngữ tiếng Viĩt đĩ đĩ đĩp iĩng đĩĩc trí tuĩ cĩ a Viĩt nam và trí tuĩ cĩ a nhĩn loĩi. Cĩ thĩ khĩng đĩĩn rĩng, hoĩn toĩn cĩ thĩ xĩy đĩng đĩĩc mĩt hĩ thĩng thuĩt ngữ khoa hĩc tĩ nhiên và cĩng nghĩ, thuĩt ngữ chĩnh trĩ, thuĩt ngữ khoa hĩc xĩ hĩi và nhĩn vĩn bĩng tiếng Viĩt. Thĩc tĩ đĩ chĩng mĩnh đĩĩu nĩy. Sĩ tiĩp nhĩn thuĩt ngữ nhĩĩc ngoĩi cĩng lĩ thĩ hiĩn khĩ nĩng hiĩn đĩi hĩĩa cĩ a tiếng Viĩt.

5) **Mĩt tiếng Viĩt phát triĩn, nĩng đĩng, đĩy sĩc sĩng:** Đĩ lĩ mĩt tiếng Viĩt truyĩn thĩng và phát triĩn. Truyĩn thĩng, nhĩ cĩch nĩi cĩ a cĩ Thĩ tĩng Phĩm Vĩn Đĩng “(...) mĩt cĩi khĩĩn cho tiếng Viĩt lĩ tiếng Viĩt, thĩ tiếng mà cha ĩng đĩ xĩy đĩng và bĩĩ vĩ trong lĩch sĩ lĩu đĩi cĩ a dĩn tĩc”. Tiếng Viĩt phát triĩn đĩĩc nhĩ ngĩy nay đĩ lĩ thĩn quĩ mĩt quĩ trĩĩn tĩĩm biĩn-mĩt quy luĩt phát triĩn cĩ a ngôn ngữ. Tiếng Viĩt đĩng phát triĩn, hiĩn đĩi hĩĩa. Theo đĩ, lĩ sĩ kĩ thĩ a, sĩ tiĩp nhĩn và cĩ cĩ sĩ xĩng đĩt giĩ a yĩu tĩ cũ và yĩu tĩ mĩi (vĩ yĩu tĩ mĩi xĩĩt hiĩn khĩ mà yĩu tĩ cũ vĩn đĩng đĩĩc sĩ đĩng). Tĩ đĩy, tĩĩn nĩn cĩc biĩn thĩ đĩ dĩng và phĩng phĩ trong tiếng Viĩt (Ví dũ: *olimpic-thĩ vĩn hĩi; ĩxy-dĩĩng khĩ; “...đĩn tĩ...” vĩ i... “...tĩ...đĩn”;* “...do...lĩm...vĩ i... đĩĩc lĩm bĩ i...”). Nhĩ đĩ, ngữ iĩ sĩ đĩng cĩ

quĩĩn lĩ a chĩn-mĩt sĩ lĩ a chĩn cĩ a nhĩng sĩ lĩ a chĩn-sao cho phĩ hĩp vĩi bĩi cĩĩn giao giao tiĩp và quĩ trĩĩn lĩ a chĩn sĩ lĩm nĩn sĩ đĩĩn hĩĩn.

Nĩi đĩn mĩt tiếng Viĩt phát triĩn, nĩng đĩng, đĩy sĩc sĩng thĩĩt nhĩĩ cĩng cĩn nhĩĩc đĩn đĩĩ chĩĩt vĩ ngôn ngữ tuĩi teen cĩ a tiếng Viĩt- thĩ ngôn ngữ mà đĩng đĩĩc cĩ xĩ hĩi quĩn tĩm.

Bĩn thĩn tĩn gĩi “ngĩn ngữ tuĩi teen” đĩ nĩi lĩn đĩĩc đĩĩm cĩ a nĩ “ngĩn ngữ cĩ a lĩp ngữ iĩ mĩi/đĩng lĩn”. Vĩy, cĩu hĩi đĩt rĩ lĩ, cĩ “ngĩn ngữ tuĩi teen” thĩ cĩ “ngĩn ngữ tuĩi trĩĩng thĩn”, “ngĩn ngữ tuĩi giĩ”,...hay khĩng? Tĩĩn nhĩĩn lĩ “cĩ” nhĩng chĩng khĩng hay ít đĩĩc chĩ yĩ vĩ chĩng khĩng “nĩi” nhĩ ngôn ngữ tuĩi teen đĩĩc. Vĩy, tĩi sao ngôn ngữ tuĩi teen lĩĩ gĩy sĩ chĩ yĩ cĩ a xĩ hĩi nhĩ vĩy? Bĩi, đĩ lĩ ngôn ngữ cĩ a nhĩng ngữ iĩ mĩi lĩn hĩm khĩm phĩ, hĩm hiĩu biĩt, hĩm sĩng tĩĩ, hĩm thĩ hiĩn,...mĩ đĩ “hĩm” nhĩ vĩy thĩ đĩĩng nhĩĩn nĩ phĩĩ khĩc lĩ đĩ mĩt chĩĩt (nhĩ yĩu phĩĩ thĩn *iu*, nhĩĩu phĩĩ thĩn *nhĩu*, quĩ thĩn *wa*, *i* phĩĩ chuyĩn thĩn *j*, đĩu đĩu mĩ cĩ a ẽ phĩĩ đĩĩn chĩĩch rĩ ngoĩi ẽ^, cĩng cĩc biĩu tĩĩng và cĩc cĩu ngữn tĩi mĩc khĩng thĩ ngữn hĩn,...). Theo lí thuyĩt cĩ a ngôn ngữ hĩc xĩ hĩi, đĩ cĩ nhĩm xĩ hĩi thĩ tĩt sĩ cĩ phĩĩng ngữ xĩ hĩi, phĩĩng ngữ xĩ hĩi tiếng Viĩt hiĩn nay rĩĩt nhĩĩu, rĩĩt phĩng phĩ, đĩ đĩng. Nhĩng, chĩ cĩ mĩt vĩi phĩĩng ngữ xĩ hĩi nhĩ ngôn ngữ tuĩi teen gĩn vĩi cĩng đĩng tuĩi mĩi lĩn, ngôn ngữ mĩng gĩn vĩi cĩng đĩng mĩng, tiếng lĩng gĩn vĩi mĩt sĩ nhĩm xĩ hĩi lĩ đĩĩc chĩ yĩ nhĩĩu hĩn cĩ. Đĩĩng chĩ yĩ lĩ, đĩ cĩ vĩi mĩt yĩu tĩ ngôn ngữ cĩ a cĩc cĩng đĩng xĩ hĩi nĩy đĩ “ĩm thĩm” đĩ nhĩp vĩĩ tiếng Viĩt chĩng, nhĩ: *chĩ (vĩng), cĩy (vĩng), K (mĩt nhĩn),...* Sĩ xĩĩt hiĩn cĩ a ngôn ngữ tuĩi teen cĩp đĩ mang đĩn cho tiếng Viĩt nhĩng nĩt mĩi

nhng đng th i cũng đt ra s quan tâm c a xã h i đ i v i ti ng Vi t chu n m c.

3. Thay cho kết luận: Nh ng v n đ đt ra

1) 40 năm, l ng th i gian đ nhìn nh n s bi n đng c a m t ngôn ng xét v m t ngôn ng h c không ph i là dài, nh ng, v i s ki n tr ng đ i là th ng nh t đt n c và ti p đó là đ i m i và h i nh p có th coi là tác nhân xã h i đ c bi t quan tr ng tác đng đ n ti ng Vi t nói riêng và các ngôn ng Vi t Nam nói chung.

2) V i t cách là ngôn ng qu c gia, ph ng ti n giao ti p chung c a toàn xã h i Vi t Nam, ti ng Vi t đã và đang đóng vai trò quan tr ng trong m i m t c a đ i s ng xã h i Vi t Nam: c u n i cho s th ng nh t trong toàn xã h i Vi t Nam; là ph ng ti n truy n t i các ch tr ng chính sách c a Đ ng và Nhà n c Vi t Nam đ n m i mi n đt n c và là công c truy n t i nh ng tâm t nguy n v ng c a ng i dân đ i v i Đ ng và Nhà n c; là t m g ng ph n ánh đ i s ng xã h i Vi t Nam thông qua các ph ng ti n thông tin đ i chúng; là ngôn ng chính th c trong h th ng giáo d c c a Vi t Nam; là công c l u gi , ti p nh n và truy n t i khoa h c kĩ thuật và văn hóa c a Vi t Nam;... Có th nói, ch a bao gi ti ng Vi t có s m nh l ch s l n lao g n s phát tri n c a đt n c và s h i nh p qu c t c a Vi t Nam nh ngày nay.

3) V i th , m t ti ng Vi t chu n m c, h i n đ i, đáp ng đ c vai trò c a ngôn ng qu c gia, v a có th gi đ c b n s c c a ti ng Vi t, b n s c văn hóa Vi t Nam, v a có th ti p nh n đ c y u t c a ngôn ng và văn hóa c a n c ngoài đang là đòi h i b c thi t c a cu c s ng hi n nay.

Đ “b o v , phát tri n ti ng Vi t” nh Ngh quy t Trung ng Đ ng đã đ ra, thi t

ng h , c n xây đ ng Lu t Ngôn ng qu c gia ti ng Vi t. T đó, làm c s cho vi c t ng b c chu n hóa chu n hóa ti ng Vi t theo h ng b n s c, h i nh p và phát tri n.

* Báo cáo đ đ n t i “H i th o Ng h c toàn qu c” tháng 4.2015

TÀI LI U THAM KH O CHÍNH

1. Hoàng Văn Hành (2010), *Hoàng Văn Hành tuy n t p*, Nxb KHXH.

2. Nguyễn Văn Hi p (2014), *M t s v n đ m i trong phát tri n và gi g n s trong sáng c a ti ng Vi t*. Đ tài c p B (đã nghi m thu).

3. Nguyễn Văn Khang:

- (2003), *V th c a ti ng Vi t đ i v i ngôn ng các dân t c thi u s Vi t Nam: t ch tr ng, chính sách đ n th c t*, Ngôn ng, s 11.

-(2007; 2012) *T ngo i lai trong ti ng Vi t*, Nxb Giáo d c.

-(2014), *Chính sách ngôn ng và l p pháp ngôn ng Vi t Nam*, Nxb KHXH.

- (2014) *Giao ti p c a ng i Vi t v i các nhân t chi ph i*. Đ tài c p B (đã nghi m thu).

4. Hoàng Phê (2007), *Hoàng Phê Tuy n t p*, Nxb KHXH, Hà N i.

5. Lê Quang Thiêm:

- (2009), *V v n đ ngôn ng qu c gia*. T/c Ngôn ng, s 1.

- (2011), *B i n đ i trong ti p nh n và h i nh p c a h th ng thu t ng ti ng Vi t*. T/c Ngôn & Đ i s ng, s 9.

6. Vi n Ngôn ng h c, *Gi g n s trong sáng ti ng Vi t v m t t ng* (1981), Nxb KHXH.